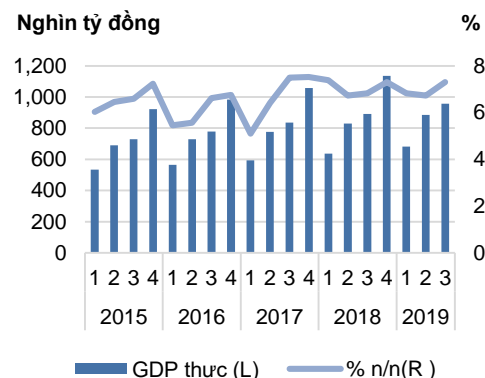


Chỉ báo vĩ mô

Dữ liệu quý	3Q19	2Q19	1Q19
GDP (% n/n)	7.31	6.73	6.82
FDI giải ngân (tỷ USD)	5.12	4.98	4.12
Dữ liệu tháng	10/19	9/19	8/19
CPI (% n/n)	2.24	2.44	2.26
PMI	50	50.5	51.4
Xuất khẩu (% n/n)	-0.79	10.68	10.41
Nhập khẩu (% n/n)	3.47	11.77	5.87

Nguồn: GSO, Nikkei, IHS Markit, Bloomberg, FIA

Tăng trưởng GDP hàng quý



Nguồn: GSO

Tác động tiêu cực của FDI đến thương mại Việt Nam

Ngân sách nhà nước ghi nhận thặng dư 39.8 triệu tỉ đồng. Trong 10 tháng đầu năm, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 1,133.6 triệu tỉ đồng, hoàn thành 80.3% kế hoạch của năm, trong khi tổng chi tiêu hết 1,093.8 triệu tỉ đồng, tương ứng với 67% kế hoạch trong năm.. ([Trang 2](#))

Ngành công nghiệp Việt Nam tiếp tục mở rộng. Ghi nhận tại tháng 10, chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tăng nhẹ 2.7% t/t và 9.2% n/n, với sự đóng góp đáng kể từ ngành Sản xuất (tăng 10.8% n/n). Trong 10 tháng đầu năm, IIP trung bình tăng trưởng 9.5% n/n nhờ vào sự gia tăng của hầu hết các ngành công nghiệp. Chúng tôi ước tính sản xuất công nghiệp Việt Nam sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng trong 2 tháng cuối năm dựa trên các dự án sản xuất lớn như nhà máy ô tô Vinfast và Tổ hợp sản xuất thép Dung Quất. ([Trang 2](#))

Xuất khẩu suy giảm do hoạt động yếu kém đến từ khu vực FDI. Theo Tổng cục thống kê, tổng giá trị giao dịch thương mại trong tháng 10 tăng trưởng 1.3% n/n, đạt được 44.9 tỷ USD. Cụ thể, giá trị của xuất khẩu giảm 0.79% n/n, đạt 22.4 tỷ USD, trong khi giá trị nhập khẩu tăng trưởng 3.47% n/n, đạt 22.5 tỷ USD. Kết quả cán cân thương mại thâm hụt 100 triệu USD trong tháng 10. Theo ước tính của KIS, xuất khẩu sẽ gia tăng trở lại ở 13.78% n/n, và nhập khẩu được ước tính sẽ tăng 12.57% trong tháng 11. ([Trang 3](#))

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục gia tăng. Trong tháng 10, tổng vốn FDI đăng ký đạt 2.95 tỷ USD, tăng 16.2% n/n. Bên cạnh đó, vốn FDI thực hiện đạt 1.99 tỷ USD, gia tăng 7.57% n/n. Chúng tôi dự báo trong tháng 10, vốn FDI giải ngân sẽ đạt 1.72 tỷ USD trong tháng 11. ([Trang 6](#))

Chỉ số giá CPI tăng nhẹ do sự phục hồi của giá thịt lợn. Chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 10 được ghi nhận gia tăng 0.59% t/t và 2.24% n/n, với sự gia tăng mạnh 8.84% của giá dịch vụ Y tế. Chúng tôi dự đoán lạm phát trong 2 tháng cuối năm sẽ được giữ ổn định hoặc tăng nhẹ, góp phần điều chỉnh CPI trung bình dưới mức 4% lạm phát mục tiêu của Chính phủ trong năm 2019. ([Trang 8](#))

Tỷ giá USD/VND thay đổi nhẹ. Trong tháng 10, đa số các đồng tiền của các quốc gia Đông Nam Á lẫn đồng nhân dân tệ đều tăng giá so với USD. Đối với Việt Nam, tỷ giá được dự báo sẽ ổn định trong những tháng tới nhờ sự hỗ trợ từ thặng dư thương mại ấn tượng 6.75 tỷ USD và lượng dự trữ ngoại hối cao (70 tỉ USD tại tháng 10). ([Trang 9](#))

Nguyễn Trọng Ý

BP vĩ mô – Chuyên viên phân tích

(+84-28) 3914 8585 - Ext: 1463

y.nt@kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

BP Chiến lược – Chuyên viên phân tích

(+84-28) 3914 8585 - Ext: 1464

hieu.ttm@kisvn.vn

Ngân sách nhà nước thặng dư 39.8 triệu tỉ đồng

Tính đến ngày 15/10/2019, tổng doanh thu của chính phủ đạt 1,133.6 nghìn tỉ đồng, đạt 80.3% kế hoạch của năm. Trong đó, thu nội địa đạt 908.1 nghìn tỉ đồng, tương ứng 77.4% dự tính trong năm nay. Đáng chú ý, nguồn thu từ dầu thô trong 10 tháng đã vượt qua kế hoạch cả năm, đạt 45 nghìn tỉ đồng, trong khi nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 176.9 nghìn tỉ đồng, tương đương 93.5%.

Về phía chi tiêu, tổng chi được ước tính đạt 1,093.8 nghìn tỉ đồng, chiếm 67% dự toán năm. Cụ thể, chi tiêu thường xuyên đạt 774.9 nghìn tỉ đồng, tương ứng 77.5% kế hoạch trong năm, chi tiêu đầu tư và phát triển đạt 208.6 nghìn tỉ đồng, tương ứng 48.6%, thanh toán lãi vay ghi nhận ở mức 86.9 nghìn tỉ đồng, tương đương 69.6%.

Tổng kết đến hết tháng 10/2019, ngân sách nhà nước thặng dư 39.8 nghìn tỉ đồng.

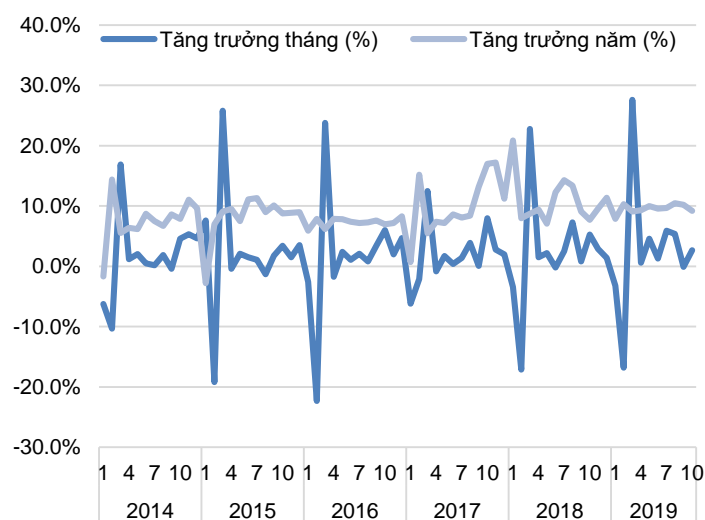
Ngành công nghiệp Việt Nam tiếp tục mở rộng

Ghi nhận tại tháng 10, chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tăng nhẹ 2.7% t/t và 9.2% n/n, với sự đóng góp đáng kể từ ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo (+10.8% n/n), Sản xuất và phân phối điện (+8.1% n/n), Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+6.9% n/n). Ngược lại, ngành khai khoáng giảm nhẹ 0.2% n/n.

Hoạt động sản xuất của nhà máy lọc dầu Nghi Sơn và tập đoàn thép Formosa Hà Tĩnh là những nhân tố chính góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng sản xuất công nghiệp Việt Nam.

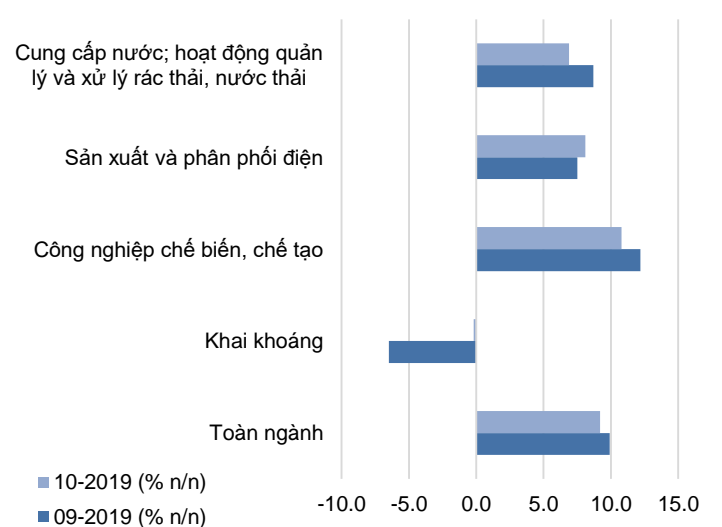
Trong 10 tháng đầu năm, IIP trung bình tăng trưởng 9.5% n/n nhờ vào sự gia tăng của hầu hết các ngành công nghiệp.

Hình 01. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)



Nguồn: GSO

Hình 02. Tăng trưởng IIP theo ngành



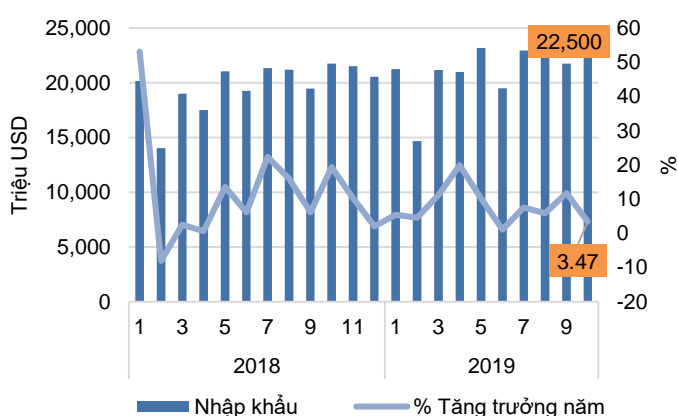
Nguồn: GSO

Dự báo:

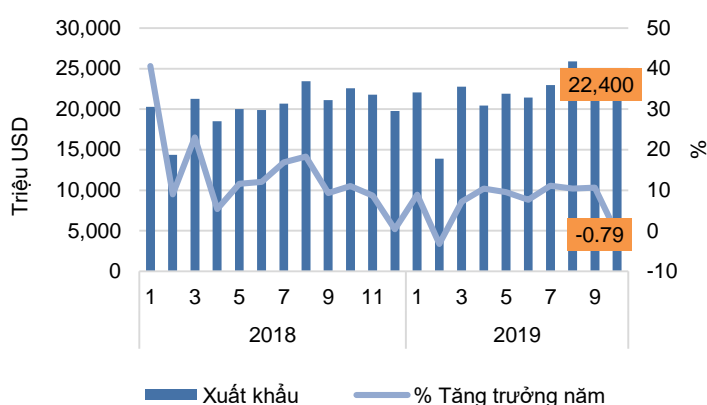
Chúng tôi ước tính sản xuất công nghiệp Việt Nam sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng trong 2 tháng cuối năm dựa trên các dự án sản xuất lớn như nhà máy ô tô Vinfast và Tổ hợp sản xuất thép Dung Quất.

Xuất khẩu suy giảm do hoạt động yếu kém đến từ khu vực FDI

Theo dữ liệu xuất nhập khẩu trong tháng 10 từ Tổng cục Thống kê, tổng giá trị thương mại gia tăng 1.3% n/n, đạt 44.9 tỷ USD. Cụ thể, giá trị xuất khẩu đạt 22.4 tỷ USD, giảm nhẹ 0.79% n/n, trong khi giá trị nhập khẩu đạt 22.5 tỷ đô la Mỹ, đạt 3.47% n/n. Theo đó, cán cân thương mại ghi nhận thặng dư 100 triệu USD trong tháng 10.

Hình 03. Dữ liệu tháng nhập khẩu Việt Nam

Nguồn: KIS, GSO

Hình 04. Dữ liệu tháng Xuất khẩu Việt Nam

Nguồn: KIS, GSO

Về phía hoạt động xuất khẩu, sự suy giảm đột ngột hoạt động xuất khẩu từ các doanh nghiệp FDI là nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm của xuất khẩu trong tháng 10. Cụ thể, giá trị xuất khẩu của nhóm doanh nghiệp FDI chỉ đạt 15.5 tỷ USD, giảm 4.21% n/n, mức giảm mạnh nhất trong năm. Chỉ tính riêng hoạt động từ nhóm doanh nghiệp FDI đã khiến tổng xuất khẩu giảm 3.02%.

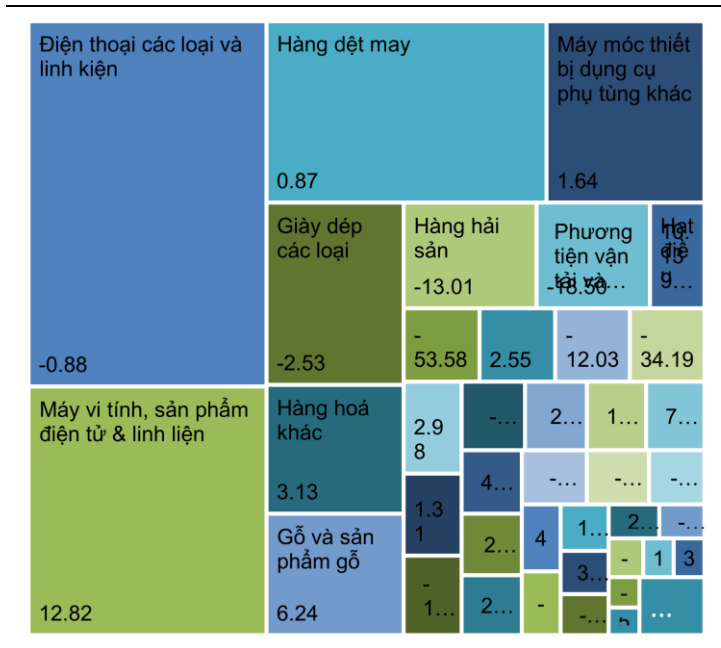
Về cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện gia tăng mạnh nhất với 12.82% n/n, đóng góp 1.61% n/n vào tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu. Trái ngược lại, nhóm sản phẩm máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (SIVCP) tiếp tục giảm sâu 53.58% trong tháng 10, làm giảm xuất khẩu 1.53%. Ngoài ra, xuất khẩu của nhóm điện thoại, di động và các loại linh kiện giảm nhẹ 0.88% n/n, nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu.

Tổng đóng góp của ngành nông nghiệp vào xuất khẩu, bao gồm hạt điều, trái cây, rau quả, gạo, cà phê, sắn và các sản phẩm làm từ sắn, hồ tiêu và trà, chứng kiến sự sụt giảm 9.21% n/n trong tháng 10. Trong đó, sản lượng xuất khẩu gạo tăng trưởng rất ấn tượng ở mức 23.6%, trong khi cà phê giảm mạnh nhất (-27.9% n/n).

Tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm thủy hải sản chỉ đạt mức -13.01% n/n, con số tăng trưởng thấp nhất trong năm. Sự sụt giảm liên tục của giá cá tra, cộng với sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ Trung Quốc và Malaysia khiến tình hình xuất khẩu thủy hải sản càng thêm tồi tệ. Tương tự, xuất khẩu tôm Việt Nam cũng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh của Thái Lan và Ấn Độ.

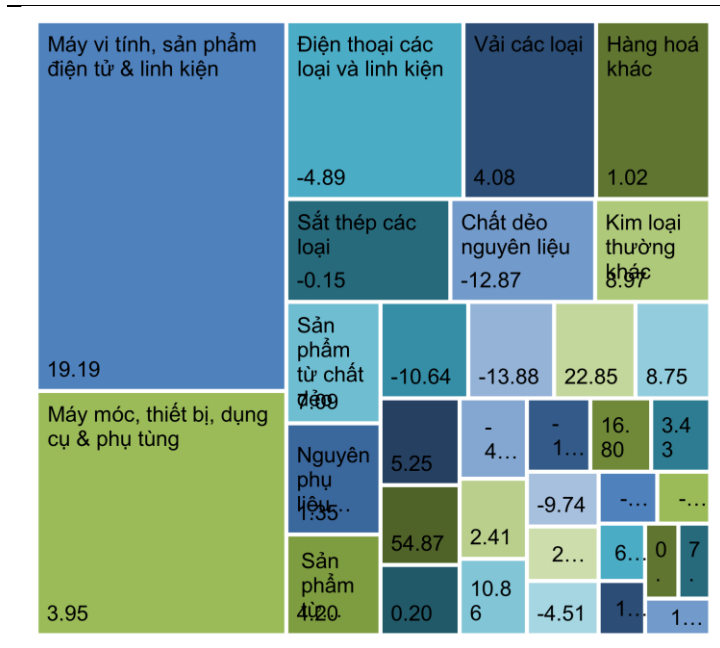
Ở chiều ngược lại, xuất khẩu đá quý, kim loại quý tiếp tục tăng mạnh với tốc độ tăng trưởng đạt 222% n/n, đóng góp 0.61% vào tổng tăng trưởng xuất khẩu.

Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu theo sản phẩm (% n/n)



Nguồn: KIS, GSO

Hình 6. Cơ cấu nhập khẩu theo sản phẩm (% n/n)



Nguồn: KIS, GSO

Về phía nhập khẩu, sự gia tăng nhập khẩu đáng kể các mặt hàng máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhập khẩu 3.47% n/n. Cụ thể, giá trị nhập khẩu các sản phẩm này đạt 4.5 tỷ USD, gia tăng 19.19% n/n, đóng góp 3.48% vào tăng trưởng nhập khẩu. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng gia tăng 3.95% n/n, đạt mức 3.1 tỷ USD. Trong khi đó, tình hình nhập khẩu sản phẩm điện thoại và các loại linh kiện giảm gần 5%, chỉ đạt 1.6 tỷ USD trong tháng.

Đóng góp của các doanh nghiệp FDI vào nhập khẩu sụt giảm sâu từ 5.13% trong tháng 9 đến chỉ 0.1% trong tháng 10, tác động đáng kể đến hoạt động nhập khẩu nói chung.

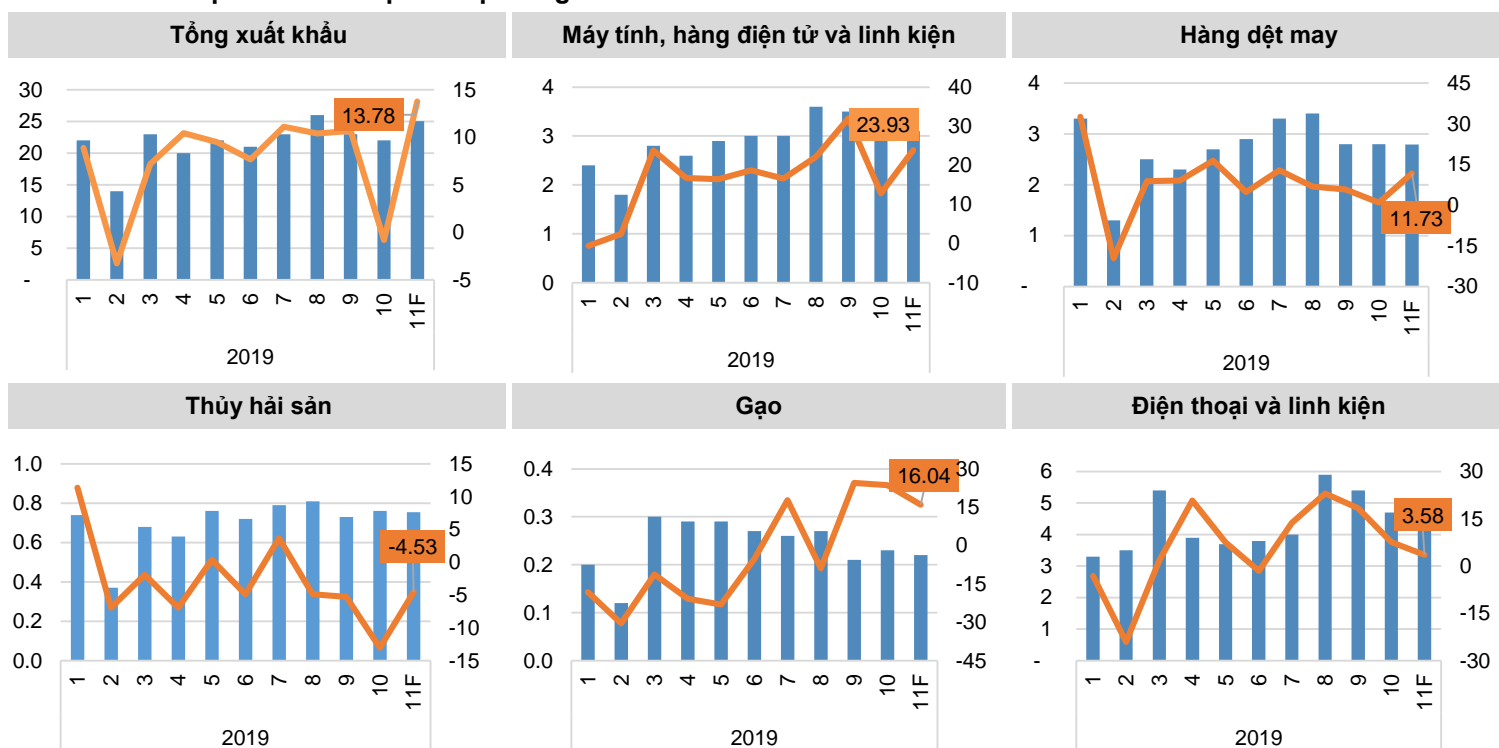
Hoạt động nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu các loại đã cải thiện trong tháng 10, ghi nhận mức giảm 10.64% n/n so với mức giảm 27.7% trong tháng 9. Bên cạnh đó, nhập khẩu dầu thô chứng kiến mức dao động rất mạnh, từ sự gia tăng mạnh 215.82% n/n trong tháng 9 xuống mức giảm sâu 42.06% n/n trong tháng 10.

Dự báo:

Chúng tôi dự đoán xuất khẩu sẽ phục hồi trong tháng tới, đạt mức tăng 13.78% n/n, tương đương 25.03 tỉ USD nhờ vào xuất khẩu các mặt hàng máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện. Các dự báo cụ thể như sau:

- Chúng tôi dự đoán xuất khẩu các mặt hàng máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện sẽ tăng tốc vào tháng sau với sự tăng trưởng 23.93% n/n, đạt 3.10 tỉ USD.
- Chúng tôi giả định hoạt động xuất khẩu từ ngành dệt may bắt đầu tăng tốc mạnh trong tháng 11. Xuất khẩu dệt may được kỳ vọng đạt 2.79 tỉ USD, tương ứng mức tăng trưởng 11.73% n/n.
- Xuất khẩu điện thoại và các loại linh kiện được dự đoán sẽ phục hồi, tăng trưởng nhẹ 3.58% n/n, tương ứng mức tăng 4.97 tỉ USD.
- Đà giảm xuất khẩu thủy hải sản được dự báo sẽ chậm lại sau đợt giảm mạnh trong tháng này.
- Mức tăng trưởng xuất khẩu gạo trong tháng 11 được dự báo sẽ giảm nhẹ lại ở mức 16.04%, tương đương 200 triệu USD.

Hình 07. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chính



Nguồn: KIS, GSO

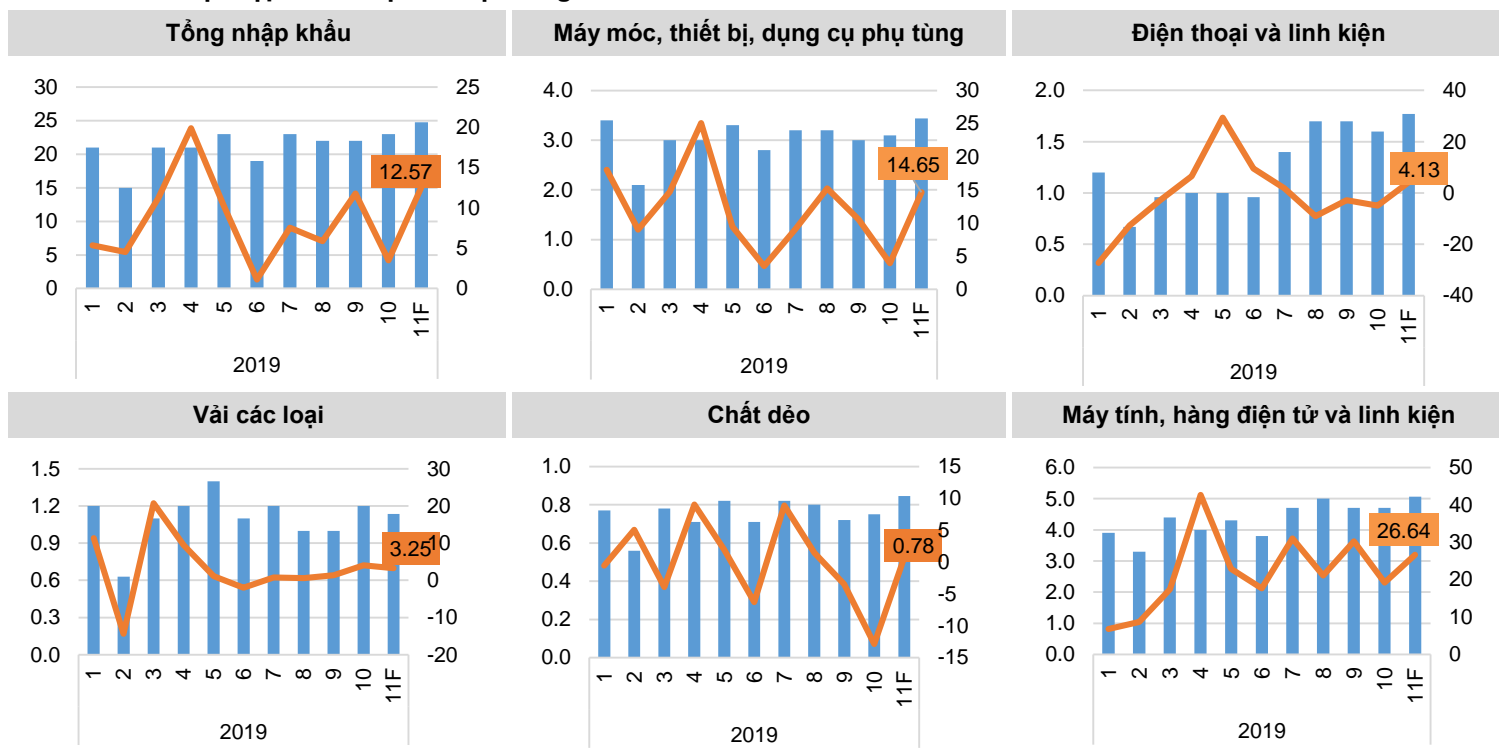
Ghi chú:

- Giá trị (bên trái): Triệu USD. Tăng trưởng (bên phải): % n/n

Về phía nhập khẩu, theo ước tính của KIS, tổng giá trị nhập khẩu trong tháng 11 sẽ gia tăng 12.57% n/n, đạt mức 24.77 tỉ USD, với sự đóng góp đáng kể từ khu vực FDI trong nhập khẩu các sản phẩm máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, điện thoại và các loại linh kiện, máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện. Một số hoạt động nhập khẩu được dự báo như sau:

- Nhập khẩu các mặt hàng điện thoại và linh kiện được dự báo sẽ phục hồi, kết thúc đợt giảm liên tục trong 3 tháng. Nhập khẩu các mặt hàng khác máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng và máy tính, hàng điện tử và linh kiện ước tính sẽ duy trì mức độ tăng trưởng mạnh, lần lượt ở mức 14.65% n/n và 26.64% n/n.
- Nhập khẩu vải các loại sẽ duy trì mức tăng trưởng nhẹ.
- Chúng tôi ước tính nhập khẩu nhựa sẽ tăng nhẹ, phục hồi sau giai đoạn giảm mạnh bắt đầu từ tháng 7.

Hình 08. Giá trị nhập khẩu một số mặt hàng chính



Nguồn: KIS, GSO

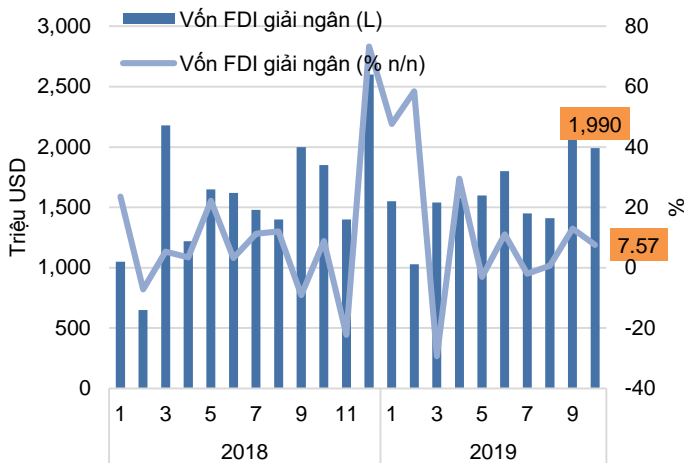
Ghi chú:

- Giá trị (bên trái): Triệu USD. Tăng trưởng (bên phải): % n/n

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục gia tăng

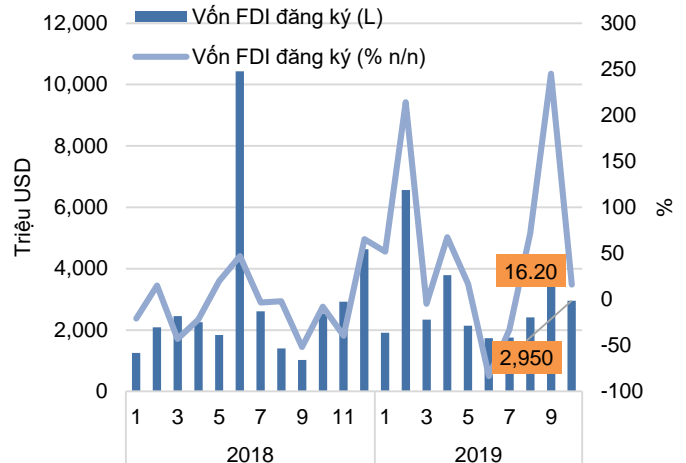
Theo số liệu mới cập nhật, vốn FDI đăng ký trong tháng 10 đạt 2.95 tỉ USD, tương ứng với tốc độ tăng trưởng 16.20% n/n, trong khi vốn FDI giải ngân đạt 1.99 tỉ USD, tăng 7.57%.

Hình 09. Vốn FDI giải ngân



Nguồn: KIS, FIA

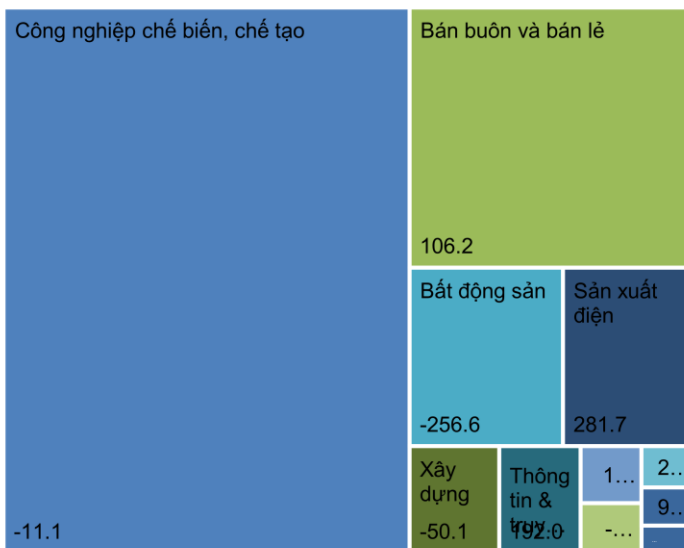
Hình 10. Vốn FDI đăng ký



Nguồn: KIS, Bloomberg, FIA

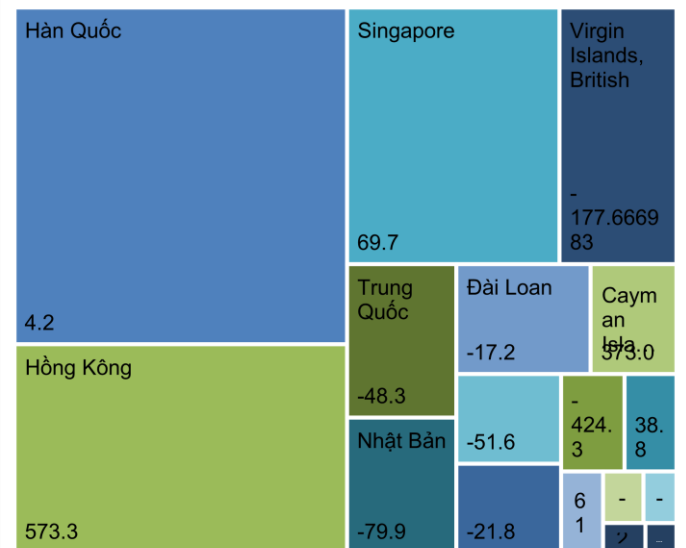
Phân loại theo lĩnh vực đầu tư, trong tháng 10, nhà đầu tư ngoại đã rót vốn vào 19 ngành, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực chế biến và sản xuất với tổng vốn đầu tư đạt được là 1.74 tỉ USD, chiếm 58.83% tổng vốn FDI đăng ký. Ngành bán lẻ đứng thứ 2 khi thu hút số lượng vốn FDI đăng ký 572 triệu USD. Vị trí tiếp theo thuộc về ngành bất động sản khi nhận được 214.8 triệu USD, chiếm 7.28%.

Hình 11. Vốn FDI đăng ký theo lĩnh vực đầu tư



Nguồn: KIS, FIA

Hình 12. Vốn FDI đăng ký theo nhà đầu tư

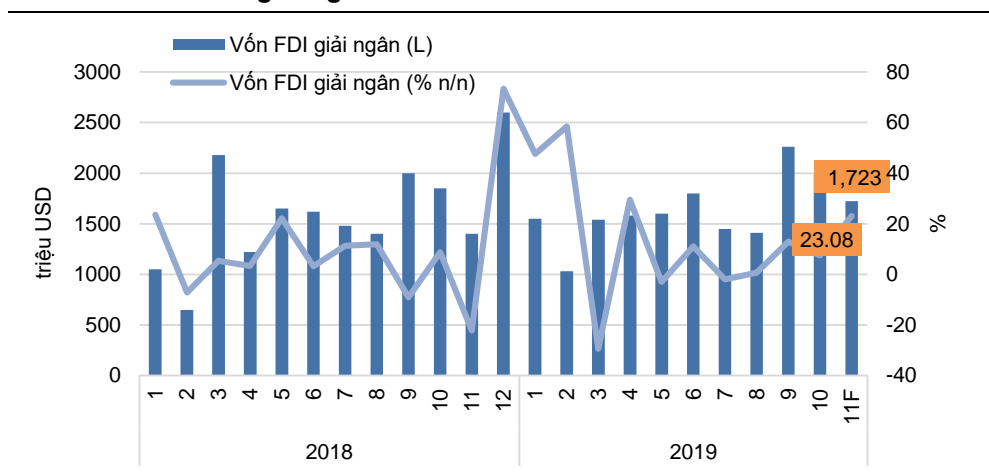


Nguồn: KIS, Bloomberg, FIA

Theo luồng vốn đầu tư FDI, tháng 10 ghi nhận có hơn 103 quốc gia và vùng lãnh thổ đã rót vốn vào Việt Nam. Hàn Quốc tiếp tục là nhà đầu tư lớn nhất, với tổng vốn đầu tư đạt 901 triệu USD, chiếm hơn 30% tổng vốn FDI đăng ký. Hồng Kông xếp ở vị trí thứ 2 với tổng vốn FDI đăng ký được ghi nhận ở mức 558.44 triệu USD, tương ứng 19% vốn FDI đăng ký. Trong khi đó, Singapore đầu tư nhiều thứ 3 vào Việt Nam, ghi

nhận đầu tư đạt mức 438.69 triệu USD, chiếm 14.87%. Vị trí thứ 4 và thứ 5 lần lượt thuộc về nguồn FDI từ Virgin Islands, Anh và Trung Quốc, với tổng số vốn đăng ký được ghi nhận lần lượt ở mức 241 triệu và 135 triệu USD.

Hình 13. Vốn FDI giải ngân



Nguồn: KIS, GSO

Dự báo:

Áp dụng mô hình chuỗi thời gian, chúng tôi dự báo vốn FDI giải ngân sẽ tăng 22.85% n/n trong tháng 11, đạt mức 1.72 tỉ USD.

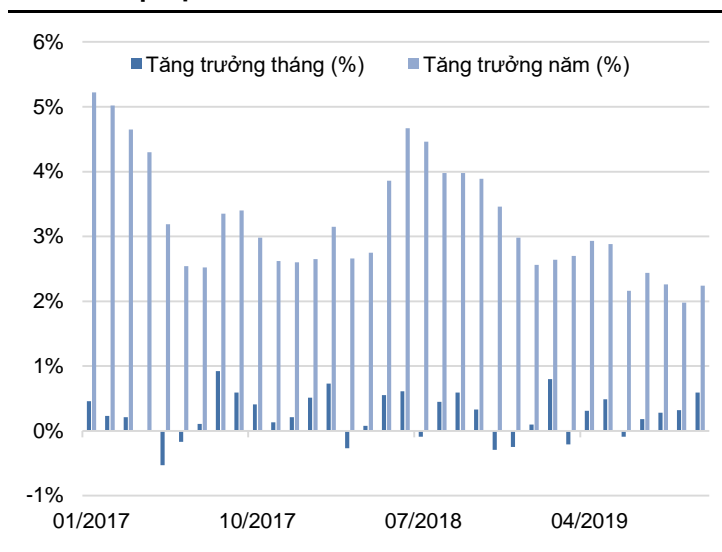
Chỉ số giá CPI tăng nhẹ do sự phục hồi của giá thịt lợn

Chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 10 được ghi nhận gia tăng 0.59% t/t và 2.24% n/n, với sự gia tăng mạnh 8.84% của giá dịch vụ Y tế, 4.25% gia tăng giá ngành giáo dục, 2.65% tăng giá trong ngành Xây dựng và Nhà ở. Các nguyên nhân chính của sự gia tăng CPI trong tháng 10 được giải thích như sau:

- Việc áp dụng các thông tư số 37/2018/TT-BYT và thông tư 13/2018/TT-BYT đã dẫn đến việc tăng giá dịch vụ Y tế trong tháng 10.
- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP cùng với giai đoạn quý 4 cuối năm đã đẩy mạnh sự gia tăng trong giá các sản phẩm Giáo dục.
- Sau khi trải qua sự hoành hành của dịch Sốt lợn Châu phi, giá thịt lợn đã phục hồi lại khoảng 40% giá cùng kỳ năm ngoái, và ghi nhận sự gia tăng hơn gấp đôi khi so sánh với giá tại thời điểm đáy, được hỗ trợ với sự gia tăng trong tổng cầu và sụt giảm trong nguồn cung.

Tổng kết, CPI trung bình trong tháng 10 đạt 2.48% n/n, ghi nhận mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. 9 trong số tổng 11 nhóm ghi nhận gia tăng trong giá như các sản phẩm Giáo dục (tăng 5.94% n/n), Y tế, Dịch vụ Y tế (tăng 3.43% n/n), Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 3.41% n/n).

Hình 14. Lạm phát



Nguồn: GSO

Hình 15. Lạm phát theo ngành trong tháng 10/2019

Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ trọng	% n/n
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36.12%	2.24%
Đồ uống và thuốc lá	3.59%	2.11%
May mặc, mũ nón, giày dép	6.37%	1.73%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	15.73%	2.94%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	7.31%	1.34%
Thuốc và dịch vụ y tế	5.04%	8.84%
Giao thông	9.37%	-3.19%
Bưu chính viễn thông	2.89%	-0.55%
Giáo dục	5.99%	4.25%
Văn hoá, giải trí và du lịch	4.29%	1.66%
Hàng hoá và dịch vụ khác	3.30%	3.12%

Nguồn: GSO

Dự báo:

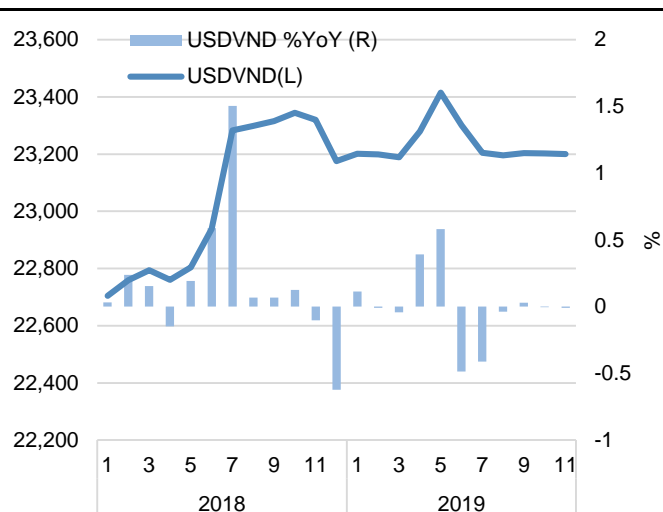
Chúng tôi dự đoán tỷ lệ lạm phát sẽ giữ ở mức tăng nhẹ trong những tháng sắp tới, được kiểm soát dưới mức lạm phát 4% của chính phủ, bởi vì:

- Dịch tả lợn Châu phi diễn biến bất nghiêm trọng dẫn đến giá thịt lợn sẽ phục hồi nhẹ.
- Giá xăng dầu trong nước sẽ đi ngang trong trường hợp giá dầu Brent quốc tế dao động ở khoảng 58 đến 62 USD/thùng. Vì vậy, giá nguyên vật liệu xây dựng và nhà ở sẽ không chịu áp lực từ giá xăng dầu, và sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến CPI trong tháng 11.
- Việc tăng lương cơ bản cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang được dự báo sẽ không ảnh hưởng đến CPI, khi chúng tôi cho rằng sự gia tăng này đã được phản ánh vào giá y tế, dịch vụ y tế và giáo dục.

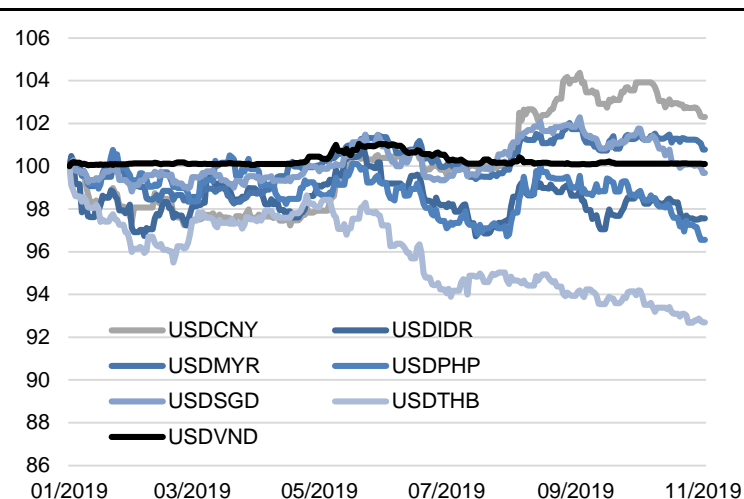
Tỷ giá USD/VND thay đổi nhẹ

Tại thời điểm cuối tháng 10, tỷ giá USD/VND được giao dịch ở mức 23.202, giảm nhẹ 0.004% t/t. Trong tháng 10, các đồng tiền chính trong khu vực Đông Nam Á và đồng nhân dân tệ của Trung Quốc ghi nhận sự gia tăng so với đồng USD. Cụ thể, đồng rupiah của Indonesia tăng 1.09%, đồng ringgit của Malaysia tăng nhẹ 0.22%, đồng peso Philippines gia tăng 2.09%, đồng đô la Singapore tăng 1.59%, và đồng bath Thái lan gia tăng 1.32%. Mức tăng trung bình của các đồng tiền trong nhóm ASEAN-5 ghi nhận ở mức 1.25% t/t so với USD.

Hình 16. Tỷ giá hối đoái - USDVND



Hình 17. So sánh giữa các nước ASEAN và Trung Quốc



Nguồn: KIS, Bloomberg

Từ đầu năm đến nay, giá trị Việt Nam đồng so với USD giảm nhẹ 0.12%. Tương tự, chúng tôi ghi nhận mức giảm lần lượt 2.28% và 1.07% của đồng rupiah và đồng ringgit so với USD. Ở chiều ngược lại, đồng peso gia tăng 3.57%, đồng bath tăng 7.8% so với USD. Ngoài ra, tỉ giá đồng đô la Singapore so với USD ghi nhận mức đổi không đáng kể.

Dự báo:

Chúng tôi dự báo giá trị Việt Nam đồng sẽ ổn định trong vài tháng tới với sự hỗ trợ của mức thặng dư thương mại ấn tượng, đạt 6.75 tỉ USD, và nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào, ghi nhận 70 tỉ USD tính đến tháng 10 2019, mặc dù nguy cơ bị gắn nhãn “quốc gia thao túng tiền tệ” bởi Bộ Tài Chính Hoa Kỳ.

Bảng điểm vĩ mô

	05-19	06-19	07-19	08-19	09-19	10-19	4Q18	1Q19	2Q19	3Q19	2016	2017	2018	2019P
Tăng trưởng GDP thực (%)							7.31	6.82	6.73	7.31	6.21	6.81	7.08	6.8
FDI đăng ký (Tỷ USD)	2.15	1.73	1.75	2.41	3.54	2.95	5.04	10.09	10.81	7.66	20.95	35.88	35.47	18.20
GDP đầu người (USD)											2,172	2,353	2,551	2,730
Tỷ lệ thất nghiệp (%)											2.33	2.21	2.21	2.25
Xuất khẩu (Tỷ USD)	21.90	21.43	22.98	25.88	23.36	22.40	64.15	58.76	63.77	72.22	176.6	215.1	243.5	280.8
Nhập khẩu (Tỷ USD)	23.19	19.49	22.94	22.45	21.75	22.50	63.81	57.09	63.68	67.14	175.0	213.2	236.7	268.3
Tăng trưởng XK (%)	9.50	7.66	11.10	10.41	10.68	-0.79	6.75	5.10	9.17	10.72	8.99	21.82	13.19	15.33
Tăng trưởng NK (%)	10.22	1.12	7.53	5.87	11.77	3.47	10.28	7.25	10.12	8.30	5.55	21.85	11.01	13.36
Lạm phát (%)	2.88	2.16	2.44	2.26	1.98	2.48	3.44	2.63	2.66	2.23	2.66	3.53	3.54	4.00
USD/VND	23,415	23,301	23,205	23,196	23,203	23,202	23,175	23,189	23,301	23,203	22,761	22,698	23,175	23,200
Tăng trưởng tín dụng (%)											18.25	18.24	13.89	14
TGPC 10 năm (%)	4.80	4.75	4.69	4.87	4.07	3.67	5.07	4.78	4.66	4.07	6.23	5.14	5.07	5.00

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Liên hệ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TĐL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Phòng Phân tích

Hoàng Huy

Trưởng phòng Phân tích
(+84 28) 3914 8585 (x1450)
huy.hoang@kisvn.vn

Phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của **KIS** được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. **KIS** không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, **KIS** cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của **KIS** có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng **KIS** cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của **KIS** có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của **KIS**.